SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
CỤM TRƯỜNG THPT
HOÀN KIẾM – HAI BÀ TRƯNG

(Đề thi có 4 trang)

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề thi 821

Câu 41. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là
A. bão biển. **B.** hạn hán. **C.** lũ quét. **D.** ngập lụt.
Câu 42. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là
A. Đắk Lắk. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Nam. **D.** Gia Lai.
Câu 43. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là
A. đóng tàu. **B.** luyện kim. **C.** điện lực. **D.** khai khoáng.
Câu 44. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?
A. An Khê. **B.** Pleiku. **C.** Buôn Mê Thuột **D.** Đà Lạt.
Câu 45. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là
A. nuôi dưỡng rừng ngập mặn. **B.** xây công trình đê biển.
C. mở rộng vườn quốc gia. **D.** chống ô nhiễm đất mặn.
Câu 46. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 *(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?
A. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan. **B.** Thái Lan tăng và Việt Nam giảm.
C. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan. **D.** Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.
Câu 47. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?
A. Lâm Viên. **B.** Kon Tum. **C.** Mơ Nông. **D.** Di Linh.
Câu 48. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?
A. Lào Cai. **B.** Quảng Ninh. **C.** Bắc Cạn. **D.** Hà Giang.
Câu 49. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?
A. 4B. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 6.
Câu 50. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Bắc Ninh. **B.** Hải Phòng. **C.** Cẩm Phả. **D.** Phúc Yên.
Câu 51. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có nhiều ở tỉnh nào sau đây?
A. Tiền Giang. **B.** Cần Thơ. **C.** Kiên Giang. **D.** Sóc Trăng.

Câu 52. Cho biểu đồ: SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

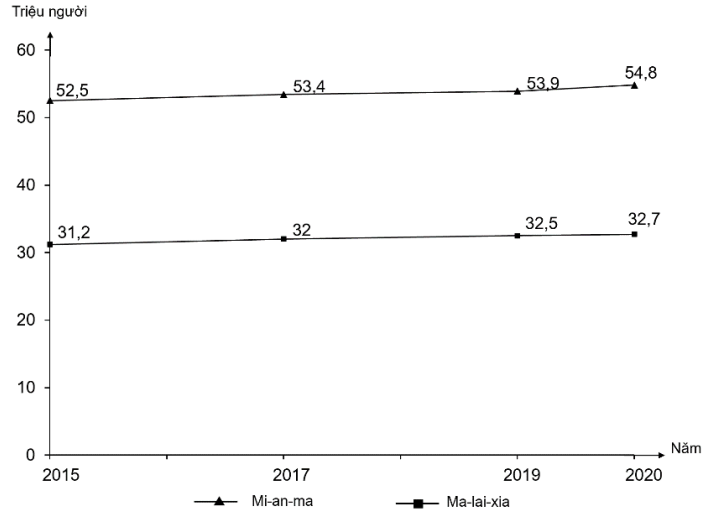

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

A. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ. **B.** Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng.

C. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng. **D.** Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 53. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Mã. **B.** Sông Ba. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Thu Bồn.

Câu 54. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

A. Hải Dương. **B.** Hưng Yên. **C.** Bắc Ninh. **D.** Hà Nội.

Câu 55. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

A. Hà Nội. **B.** Đồng Hới. **C.** Điện Biên Phủ. **D.** Lạng Sơn.

Câu 56. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

A. Thuốc lá, ngô. **B.** Lạc, mía. **C.** Lạc, đậu tương. **D.** Mía, ngô.

Câu 57. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

A. Vườn quốc gia. **B.** Thắng cảnh. **C.** Du lịch biển. **D.** Hang động.

Câu 58. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

A. Ninh Bình. **B.** Uông Bí. **C.** Na Dương. **D.** Phả Lại.

Câu 59. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

A. công nghiệp chế biến. **B.** công nghiệp trọng điểm.

C. công nghiệp khai thác. **D.** công nghiệp tiêu dùng.

Câu 60. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là

A. Nha Trang. **B.** Mũi Né. **C.** Vũng Tàu. **D.** Cam Ranh.

Câu 61. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

A. Quảng Bình. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Nghệ An. **D.** Quảng Trị.

Câu 62. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

A. Tiền Giang. **B.** Bến Tre. **C.** Bạc Liêu. **D.** Trà Vinh.

Câu 63. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

A. sử dụng ít giống cho năng suất cao. **B.** trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.

C. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh. **D.** chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.

Câu 64. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?
A. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. **B.** Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
C. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. **D.** Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
Câu 65. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là
A. dịch vụ thú y ngày càng phát triển. **B.** ứng dụng phổ biến công nghệ gen.
C. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng. **D.** nguồn cung cấp thức ăn phong phú.
Câu 66. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng
A. cấm khai thác thủy sản ven bờ. **B.** đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
C. khuyến khích đánh bắt xa bờ. **D.** chưa gắn với bảo vệ môi trường.
Câu 67. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?
A. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu. **B.** Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.
C. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế. **D.** Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
Câu 68. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp
A. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ. **B.** ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.
C. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng. **D.** có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
Câu 69. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có
A. khí hậu đa dạng. **B.** tổng bức xạ lớn.
C. sông ngòi dày đặc. **D.** khoáng sản phong phú.
Câu 70. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay
A. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây. **B.** thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
C. tăng về số lượng và quy mô đô thị. **D.** hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
Câu 71. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị *(triệu người)*	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị *(%)*	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
A. Cột. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.
Câu 72. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của
A. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
B. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
C. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.
D. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
Câu 73. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
B. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.
C. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
Câu 74. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là
A. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
B. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
C. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
D. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.

Câu 75. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là
A. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
B. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
C. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.
D. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
Câu 76. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do
A. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
B. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.
C. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
D. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
Câu 77. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là
A. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.
B. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
C. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
D. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
Câu 78. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.
B. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
C. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
D. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
Câu 79. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020

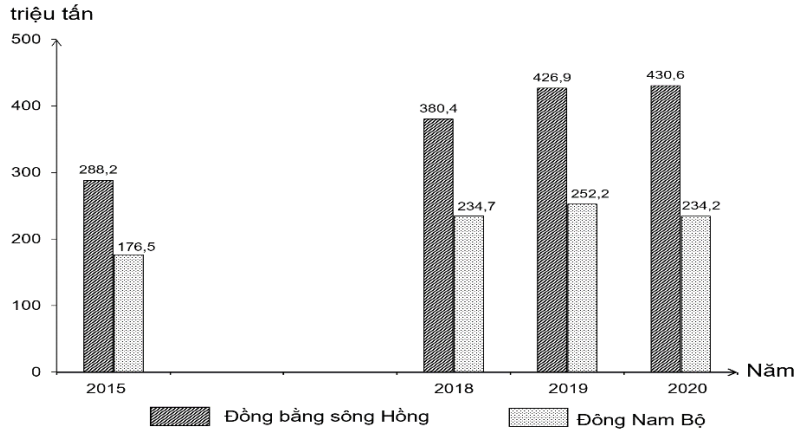

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?
A. Quy mô khối lượng.
B. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.
C. Tốc độ tăng khối lượng.
D. Cơ cấu khối lượng.
Câu 80. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là
A. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
B. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
C. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.
D. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.

------ HẾT ------

Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.